

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VÔ TRANH

Số: 1081/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vô Tranh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả (đợt 1) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP)
- Đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15, ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 275/NQ-HĐND, ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND, ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND, ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND, ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND, ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về ban hành Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1939/QĐ-UBND, ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ Kế hoạch số 238/KH-UBND, ngày 07/8/2026 của UBND xã Vô Tranh Kế hoạch thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - (đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh);

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 390/TB-UBND, ngày 20/8/2026 của UBND xã Vô Tranh để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - (đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh - Đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 200/TTr-XDNNMT, ngày 28/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả (đợt 1) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức đối tác công tư (PPP) - Đoạn qua địa phận xã Vô Tranh, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tổng kinh phí phê duyệt	500.772.662 đồng
(Bằng chữ: Năm trăm triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng)	

Nguồn kinh phí: Do chủ đầu tư chi trả.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh phối hợp với Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực 1 và các đơn vị liên quan:

- Phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND xã Vô Tranh và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã phê duyệt đến các hộ gia đình, cá nhân có mồ mả phải di dời, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, thời gian, địa điểm chi trả bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã phê duyệt.

2. Các hộ gia đình, cá nhân có mồ mả phải di dời, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh trong quá trình thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Vô Tranh, Chủ đầu tư và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT.HS. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Phạm Quang Lượng

PHƯƠNG ÁN TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỎ MẢ (ĐỢT 1)

Dự án: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức công tư (PPP) - Đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh

(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND, ngày 30/9/2026 của UBND xã Vô Tranh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (xóm)	Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả (đồng)	Cộng theo hộ (đồng)
1	Nông Văn Đàn CCCD: 019007008539	Phú Tâm	137.947.403	137.947.403
2	Nguyễn Văn Quang CCCD: 019088004619	Phú Tâm	42.000.000	42.000.000
3	Nguyễn Văn Huân CCCD: 019076019652	Phú Tâm	109.427.611	109.427.611
4	Nguyễn Văn Tính CCCD: 016079004306	Phú Tâm	26.337.644	26.337.644
5	Nguyễn Thị Hương CCCD: 019170004052	Phú Tâm	185.060.004	185.060.004
Tổng cộng			500.772.662	500.772.662



PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIA TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỎ MẢ (ĐỢT 1)

Dự án: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới theo phương thức công tư (PPP) - Đoạn qua địa bàn xã Vô Tranh

(Kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND, ngày 10/9/2026 của UBND xã Vô Tranh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng (Khối lượng)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường (H)	Thành tiền (đồng)	Cộng theo hộ
1	Nông Văn Đàn CCCD: 019007008539							137.947.403
	Thửa đất số: 23, TĐĐ số: 3							
*	Bồi thường công trình mộ							
	Mộ chưa cải táng (đã chôn cất >3 năm)	Cái/Ngôi		2	7.000.000	1	14.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mả	Ngôi		2	25.000.000	1	50.000.000	
	Mộ đã cải táng	Ngôi		2	5.000.000	1	10.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mả	Ngôi		2	10.000.000	1	20.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		4	10.000.000	1	40.000.000	
	Tường xây gạch đỏ trát 1 mặt VTH M50	m3	((1,1+1,1+0,8)*0,1*0,6	0,18	1.755.000	1	315.900	
	Trát tường	m2	((1,1+1,1+0,8)*0,6	1,8	89.000	1	160.200	
	Tường xây gạch đỏ trát 2 mặt VTH M50	m3	(0,8*0,22*1,3)*2 ngôi	0,4576	1.560.000	1	713.856	
	Trát tường mộ	m2	((0,8*1,3)*2)*2 ngôi	4,16	89.000	1	370.240	
	Nền sân đổ bê tông sỏi, đá 1x2, M200	m3	(1,9*0,5*0,07)*4+(0,8*0,07*0,6)*2	0,3332	1.449.000	1	482.807	
	Thành mộ phần âm xây gạch chỉ trát 1 mặt VTH M50	m3	((0,8+1,2)*2*0,1*0,9)*2 ngôi	0,72	1.755.000	1	1.263.600	

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng (Khối lượng)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường (H)	Thành tiền (đồng)	Cộng theo hộ
	Trát tường mộ	m2	$((0,8+1,2)*2*0,9)*2$ ngôi	7,2	89.000	1	640.800	
2	Nguyễn Văn Quang CCCD: 019088004619							42.000.000
	Thửa đất số: 3, TĐĐ số: 2							
	Bồi thường công trình mộ							
	Mộ chưa cải táng (đã chôn cất >3 năm)	Cái/Ngôi		1	7.000.000	1	7.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mã	Ngôi		1	25.000.000	1	25.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		1	10.000.000	1	10.000.000	
3	Nguyễn Văn Huân CCCD: 019076019652							109.427.611
	Thửa đất số: 96, TĐĐ số: 3							
	Mộ đã cải táng	Cái/Ngôi		4	5.000.000	1	20.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mã	Ngôi		4	10.000.000	1	40.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		4	10.000.000	1	40.000.000	
	Thành mộ phần âm xây gạch chỉ trát 1 mặt VTH M50	m3	$((0,6+0,7)*2*0,1*1)*3$ ngôi	0,78	1.755.000	1	1.368.900	
	Khối xây gạch chỉ đỏ phần trên mộ trát 1 mặt VTH M50	m3	$((0,55*0,15*0,22)*2+(1,16*0,55*0,1)*2+(0,5*0,55*0,1)+(1,32*1,2*0,1))*3$ ngôi	1,0494	1.560.000	1	1.637.064	
	Trát phần thành mộ	m2	$((0,55*0,15)+(1,16*0,55)+(0,5*0,55)+(1,32*1,2))*3$ ngôi	7,7385	89.000	1	688.727	
	Diện tích lát vữa mặt mộ dày 2cm VXM M75	m2	$(0,7*1,2)*3$ ngôi	2,52	52.000	1	131.040	
	DT đổ bê tông tấm đan vòm mộ đá 1x2, M200	m2	$(0,6*0,3)*3$ ngôi	0,54	317.000	1	171.180	

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng (Khối lượng)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường (H)	Thành tiền (đồng)	Cộng theo hộ
	Bia mộ đá khắc không ảnh	Cái		1	600.000	1	600.000	
	Thành mộ phần âm xây gạch chỉ không trát mặt VTH M50	m3	(0,7+1)*2*1*0,1	0,34	1.755.000	1	596.700	
	Khối xây gạch chỉ đỏ phần bó quanh mộ VTH M50	m3	(0,9+1,6)*2*0,2*0,15	0,15	1.560.000	1	234.000	
	Chụp mộ ốp gạch giả đá Grannit loại 4 thốt. Dài 1,3m; rộng 0,7m; cao 1,9m. Có mái che	Cái		1	4.000.000	1	4.000.000	
4	Nguyễn Văn Tính CCCD: 016079004306							26.337.644
	Thửa đất số: 96, TĐĐ số: 3							
	Mộ đã cải táng	Cái/Ngôi		1	5.000.000	1	5.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mả	Ngôi		1	10.000.000	1	10.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		1	10.000.000	1	10.000.000	
	Thành mộ phần âm xây gạch chỉ trát 1 mặt VTH M50	m3	(0,6+1)*2*0,1*1	0,32	1.755.000	1	561.600	
	Khối xây gạch chỉ đỏ phần trên mộ trát 1 mặt VTH M50	m3	(0,55*0,15*0,22)*2+(1,16*0,55*0,1)*2+(1,32*1,2*0,1)	0,3223	1.560.000	1	502.788	
	Trát phần thành mộ	m2	(0,55*0,15)+(1,16*0,55)+(0,5*0,55)+(1,32*1,2)	2,5795	89.000	1	229.576	
	Diện tích láng vữa mặt mộ dày 2cm VXM M75		(0,7*1,2)	0,84	52.000	1	43.680	
5	Nguyễn Thị Hương CCCD: 019170004052							185.060.004

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng (Khối lượng)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường (H)	Thành tiền (đồng)	Cộng theo hộ
	Thửa đất số: 96, TĐĐ số: 3							
	Mộ đã cải táng	Cái/Ngôi		6	5.000.000	1	30.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mả	Ngôi		6	10.000.000	1	60.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		6	10.000.000	1	60.000.000	
	Bia mộ đá khắc không ảnh	Cái		6	600.000	1	3.600.000	
	Chụp mộ ốp gạch giả đá Grannit loại 4 thớt. Dài 1,3m; rộng 0,7m; cao 1,9m. Có mái che	Cái		6	4.000.000	1	24.000.000	
	Thành mộ phần âm xây gạch chi không trát mặt VTH M50	m3	$((0,7+1)*2*1*0,1)*6$	2,04	1.755.000	1	3.580.200	
	Khối xây gạch chi đồ phân bố quanh mộ VTH M50	m3	$((0,9+1,6)*2*0,2*0,15)*6$	0,9	1.560.000	1	1.404.000	
	Tường bao quây khu mộ xây gạch xilycat không trát	m3	$(10,3*0,15*0,6)+(1,8*0,15*0,5)*2$	1,197	1.292.000	1	1.546.524	
	Móng xây gạch xilycat VTH M75	m3	$(10,3+1,8)*0,3*0,2$	0,726	1.280.000	1	929.280	
	TỔNG CỘNG						500.772.662	500.772.662